

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 468/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Công Minh.

Ông Nguyễn Văn Y.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 07 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 281/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/4/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/06/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp TT, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp TT, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T có mặt, chị Kim L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/04/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Thành T trình bày: Anh và chị Kim L chung sống với nhau vào năm 1990, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Sau khi cưới nhau, anh chị về chung sống với cha mẹ của anh. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Đến đầu năm 2019 chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, từ đó anh và chị L sống ly thân luôn cho đến nay. Anh T đã

hiều lần đến nhà cha mẹ vợ đón chị L về nhưng chị L không đồng ý trở về chung sống với anh. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, Anh T yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị L.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh H, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành N, sinh năm 1997 hiện nay hai con chung đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Trần Thị Kim L đã được tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vẫn không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kim L là bị đơn vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành T và chị Trần Thị Kim L có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hội Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Anh T là có cơ sở, bởi quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh T và chị L đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Anh T đã nhiều lần đến khuyên chị L trở về chung sống, nhưng chị L không đồng ý. Nay Anh T xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và yêu cầu ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, chị L không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu xin ly hôn của Anh T. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của Anh T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh H, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành N, sinh năm 1997. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự nuôi sống bản thân được, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa Anh T trình bày vợ chồng có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời chị L cũng không có ý kiến trình bày đối với tài sản chung này. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thành T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Thành T và chị Trần Thị Kim L.
2. Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Minh H, sinh năm 1992 và Nguyễn Thành N, sinh năm 1997. Hiện hai con chung đã trưởng thành và lao động tự nuôi sống bản thân được.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Thành T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 theo biên lai thu số 0009655 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, như vậy Anh T đã nộp xong án phí.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Hội Đông huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm